TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2017
"V/v *ly hôn giữa anh T và chị N"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Nguyệt Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phạm Văn Hợp**.

2. Ông **Phan Văn Hùng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang: *không tham gia phiên tòa.*

Ngày 23 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2017/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2017 về việc *"ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXX - ST ngày 05 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đào Văn T**, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 17 tháng 3 năm 2017 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Đào Văn T trình bày:

Anh và chị N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở mai mối có tổ chức lễ cưới năm 1994 và được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38, ngày 09 tháng 8 năm 2001. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị N ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng lục đục nên vào năm 2015 anh đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng qua xét xử tòa án bát đơn ly hôn của anh để vợ chồng có thời gian

hàn gắn. Sau hơn 01 năm nhưng mâu thuẫn không hàn gắn được mà ngày càng trầm trọng hơn. Nay nhận thấy tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có hai con chung tên Đào Văn B, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1995 và Đào Thị Trúc G, sinh ngày 02 tháng 11 năm 1997. Hiện con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và trong suốt quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về thời gian kết hôn và về con chung. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác về nhà hất hủi vợ con chứ vợ chồng không mâu thuẫn gì. Nay anh T xin ly hôn với chị, chị không đồng ý vì còn thương chồng, con nên không muốn ly hôn. Đặt trường hợp Tòa án cho ly hôn: Về con chung: con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng: Anh Đào Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: anh Đào Văn T chung sống với chị Nguyễn Thị N từ năm 1994 được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2001 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2014 anh T, chị N phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T là do chị N ghen tuông vô cớ và có lời lẽ xúc phạm anh. Phía chị N trình bày do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác về nhà hất hủi vợ con. Theo chứng cứ anh T cung cấp thì vào năm 2015 anh đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo quyết định của bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 204/2015/HNGĐ-ST ngày 04/9/2015 và bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 15/2016/HNGĐ-ST ngày 21/01/2016 bác đơn yêu cầu ly hôn của anh T để vợ chồng có thêm thời gian hàn gắn tình cảm nhưng đến nay mâu thuẫn giữa anh và chị vẫn không hàn gắn được. Nay anh T xin ly hôn với chị N nhưng chị N không đồng ý vì còn thương chồng con nên muốn đoàn tựu. Qua xem xét Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh T và chị N đã được Tòa án tạo điều kiện để anh chị có thời gian hàn gắng tình cảm nhưng đến nay anh T lại tiếp tục nộp đơn ly hôn điều đó cho thấy chị N không có thiện chí hàn gắn và không tha thiết với cuộc hôn nhân này. Nên việc anh T yêu cầu ly hôn với chị N là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về nuôi con chung: đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.3 Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này anh T, chị N có tranh chấp về tài sản chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

2.4 Về án phí: anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đào Văn T.

Cho ly hôn giữa anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị N.

2. Về nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đào Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 41674 ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

LÊ THỊ NGUYỆT HỒNG

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã G;
- CCTHA.DS thị xã G;
- Đương sự;
- UBND xã B, thị xã G;
- Lưu hồ sơ, AV;